

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

Quý 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.031.261.476	266.602.894.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	104.196.352.576	96.070.052.815
1. Tiền	111		17.696.352.576	12.070.052.815
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.500.000.000	84.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.184.679.900	9.259.302.348
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	4.077.271.370	12.311.864.818
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2	(2.892.591.470)	(3.052.562.470)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.272.160.906	80.636.559.390
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.561.881.311	77.068.027.304
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.498.431.614	2.563.624.022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	1.609.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	10.056.547.891	6.252.605.081
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(8.844.699.910)	(6.972.558.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	115.861.042
IV. Hàng tồn kho	140		57.572.815.446	71.234.724.512
1. Hàng tồn kho	141	V.8	64.309.271.521	76.709.130.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.9	(6.736.456.075)	(5.474.406.167)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.805.252.648	9.402.255.353
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	332.658.160	234.404.579
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		670.097.413	5.365.353.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	3.802.497.075	3.802.497.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.924.863.818	108.732.609.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	310.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.6	500.000.000	310.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.238.259.118	23.304.571.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	17.784.933.467	18.567.079.890
<i>Nguyên giá</i>	222		27.947.805.306	30.016.978.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(10.162.871.839)	(11.449.899.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.453.325.651	4.737.491.966
<i>Nguyên giá</i>	228		12.192.057.112	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(1.738.731.461)	(643.500.874)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.14	11.916.526.443	25.044.277.077
<i>Nguyên giá</i>	231		13.531.170.316	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(1.614.643.873)	(3.566.596.753)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.085.566.749	16.910.718.981
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	15.085.566.749	16.910.718.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		82.483.336.422	41.463.336.422
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	24.290.000.000	2.590.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	44.400.000.000	25.080.000.000
4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.174.710.000	17.174.710.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(3.381.373.578)	(3.381.373.578)
6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		701.175.086	1.699.704.695
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	701.175.086	1.699.704.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		390.956.125.294	375.335.503.449

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		133.412.667.511	111.672.987.226
I. Nợ ngắn hạn	310		131.412.667.511	109.672.987.226
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	15.039.817.083	22.275.096.032
2. Người mua trả tiền trước	312	V.16	367.661.620	311.800.247
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	233.802.729	177.569.319
4. Phải trả người lao động	314		1.903.770.417	501.190.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		473.844.075	2.924.577.805
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		635.070.000	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.349.260.111	4.107.510.121
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	111.409.441.476	76.212.534.363
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.162.708.839
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		2.000.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	257.543.457.783	263.662.516.223
I. Vốn chủ sở hữu	410	257.543.457.783	263.662.516.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20 95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20 147.214.109.765	147.214.109.765
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20 14.630.348.018	20.749.406.458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	652.616.458	20.749.406.458
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	13.977.731.560	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	390.956.125.294	375.335.503.449

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thủy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.109.441.032	81.112.815.620	297.896.216.975	338.166.228.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	986.266.107	231.228.715	5.812.158.733
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.109.441.032	80.126.549.513	297.664.988.260	332.354.069.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.515.914.195	76.807.516.473	290.672.823.393	318.264.614.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.406.473.163)	3.319.033.040	6.992.164.867	14.089.454.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.116.924.467	9.262.862.104	5.696.381.310	42.234.402.507
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.241.094.223	1.527.638.788	7.734.237.272	8.120.699.559
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.771.818.884	1.502.511.829	6.073.436.959	6.944.542.518
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.939.290.485	7.848.519.986	31.329.632.475	28.500.845.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.000.181.106	2.836.705.301	17.084.971.955	17.209.978.765
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.470.114.510)	369.031.069	(43.460.295.525)	2.492.333.049
11. Thu nhập khác	31	VI.7	30.389.722.664	6.722.585.667	77.380.719.274	13.363.263.211
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.171.721.007	309.401.152	19.942.692.189	596.900.646
13. Lợi nhuận khác	40		22.218.001.657	6.413.184.515	57.438.027.085	12.766.362.565
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.747.887.147	6.782.215.584	13.977.731.560	15.258.695.614
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	2.336.242.507	-	2.336.242.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.747.887.147	4.445.973.077	13.977.731.560	12.922.453.107
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		283.903.623.947	340.494.574.427
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(273.781.250.480)	(313.297.236.984)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.926.000.593)	(22.065.546.192)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.512.333.523)	(7.041.926.152)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		87.427.593.217	10.414.170.315
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.178.363.248)	(32.870.937.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.933.269.320	(24.366.901.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(1.609.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.302.400.000)	(17.230.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.128.952.575	41.918.353.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.670.247.425)	23.079.353.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		2.388.100.125	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		217.734.724.875	239.439.960.945
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(184.225.917.887)	(228.260.060.391)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.039.957.600)	(10.756.421.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.856.949.513	423.479.304
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.119.971.408	(864.069.128)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.070.052.815	96.932.405.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.328.353	1.716.200
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	104.196.352.576	96.070.052.815

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại - dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Đại lý kỹ gửi hàng hóa; mua bán hàng hoá liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quý đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê kho, mặt bằng đặt bảng quảng cáo và thuê khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

7346
TY
IÁN
: :
Ồ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại số 249, đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 173,3 m². Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn và không tính khấu hao.

- Quyền sử dụng thửa đất tại Dương Đông - An Thới, khu phố 7 thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận uỷ thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Ban thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:

Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.

Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.

Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ năm 2013 theo Công văn của Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lòng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	460.867.565	485.733.068
Tiền gửi ngân hàng	17.235.485.011	11.584.319.747
Các khoản tương đương tiền	86.500.000.000	84.000.000.000
Cộng	104.196.352.576	96.070.052.815

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	-	-	16	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	31.641	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	-	-	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	38.312	396.936.100	43.312	448.741.100
Cty CP Văn hóa Tân Bình	43.642	2.256.742.800	39.675	2.256.742.800
Cộng		4.077.271.370		12.311.864.818

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình tăng do trong kỳ nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 3.967 CP.
- Cổ phiếu Cty CP Sài Gòn Thương Tín tăng do trong kỳ nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 8.836 CP.
- Cổ phiếu NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam giảm do trong kỳ bán toàn bộ số Cổ phiếu này.
- Cổ phiếu Cty CP vận chuyển Saigon Tourist giảm do trong kỳ bán 5.000 CP.
- Cổ phiếu Cty CPXD-KD Địa Ốc Hoà Bình giảm do trong kỳ bán toàn bộ cổ phiếu này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.892.591.470)	(3.052.562.470)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	24.290.000.000	24.290.000.000	2.590.000.000	2.590.000.000
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh S	2.590.000.000	2.590.000.000	2.590.000.000	2.590.000.000
Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE	21.700.000.000	21.700.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	44.400.000.000	44.400.000.000	25.080.000.000	25.080.000.000
Cty CP Đầu Tư TIE-EXIM	-	-	10.440.000.000	10.440.000.000
Cty TNHH Tiên Đạt - TIE	8.400.000.000	8.400.000.000	-	-
Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE	-	-	14.640.000.000	14.640.000.000
Công ty TNHH Mega - TIE	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.174.710.000	17.174.710.000	17.174.710.000	17.174.710.000
Cty CP DV Bưu chính VI Sài Gòn	8.674.710.000	8.674.710.000	8.674.710.000	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000

* Đầu tư vào Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312554596 ngày 19 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với số tiền 4.590.000.000 VNĐ, chiếm 51% vốn điều lệ. Công ty đã thực góp 2.590.000.000 VNĐ, số vốn còn phải góp là 2.000.000.000 VNĐ.

* Theo giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đến ngày 31/12/2015 Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE 21,7 tỷ VNĐ, tương đương 72,33% vốn điều lệ.

* Theo giấy chứng nhận số 0313377082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Mega - TIE 54,6 tỷ VNĐ, tương đương 26% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 36 tỷ VNĐ.

* Theo giấy chứng nhận số 0313435866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tiên Đạt - TIE 8,4 tỷ VNĐ, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 8,4 tỷ VNĐ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.381.373.578)	(3.381.373.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con và các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
<i>Thu lại tiền cho vay</i>	1.000.000.000	-
<i>Lãi tiền cho vay</i>	24.444.443	-
<i>Mua hàng</i>	178.000.000	
Cty CP Đầu Tư TIE-EXIM		
<i>Tiền thuê đất</i>	641.092.000	-
<i>Tiền mượn</i>	1.200.000.000	-
<i>Bán hàng hoá</i>	-	3.636.364
<i>Cho vay tiền</i>	-	609.000.000
<i>Chuyển tiền cho vay thành vốn góp</i>	609.000.000	
Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		
<i>Bán hàng hoá</i>	15.706.539.935	47.260.913
<i>Mua hàng hoá</i>	16.852.579.015	-
<i>Góp vốn</i>	7.060.000.000	14.640.000.000
Công ty TNHH Mega - TIE		
<i>Góp vốn</i>	36.000.000.000	-
Cty TNHH Tiên Đạt - TIE		
<i>Góp vốn</i>	8.400.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	31/12/2015	01/01/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	8.984.981.734	12.288.938.519
Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE	5.107.055.933	-
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	-	10.176.492.519
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	612.446.000	2.112.446.000
Cty TNHH Tiên Đạt - TIE	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên	265.479.801	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	71.576.899.577	64.779.088.785
Công ty Cổ phần giấy Hải Dương	2.416.509.207	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Minh Thái	1.598.900.055	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi	15.922.236.811	9.488.080.140
Công ty TNHH An Gia An	3.700.270.812	6.400.270.812
Công ty Cổ phần Kết nối Công nghệ Tiên Tiến	9.136.428.523	-
Học viện Kỹ thuật Quân sự	3.682.140.000	
Công ty Cổ phần Bao bì Quang Minh	7.195.744.460	6.600.779.190
Phải thu các khách hàng khác	27.924.669.709	42.289.958.643
Cộng	80.561.881.311	77.068.027.304

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thanh Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>453.471.370</i>	-
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	453.471.370	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.044.960.244</i>	<i>2.563.624.022</i>
Trả trước cho người bán khác	2.044.960.244	2.563.624.022
Cộng	2.498.431.614	2.563.624.022

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư TIE-EXIM	-	609.000.000
Cộng	-	1.609.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác*6a. Phải thu ngắn hạn khác*

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.279.801.553</i>	<i>1.317.201.398</i>
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiên	2.279.801.553	1.317.201.398
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.776.746.338</i>	<i>4.935.403.683</i>
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	26.615.590
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	20.463.766	80.052.361
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Liên Lạc Địa	114.924.347	719.882.831
Thù lao Hội đồng quản trị	277.857.108	-
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	1.329.813.931	-
Tạm ứng	790.302.328	514.908.142
Các khoản phải thu khác	2.033.384.858	383.944.759
Cộng	10.056.547.891	6.252.605.081

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	310.000.000
Cộng	500.000.000	310.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán*

Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT

Các khách hàng khác

Cộng**31/12/2015****01/01/2015**

(3.210.000.000)

(3.210.000.000)

(5.634.699.910)

(3.762.558.059)

(8.844.699.910)**(6.972.558.059)****8. Hàng tồn kho**

Hàng mua đang đi trên đường

Nguyên liệu, vật liệu

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Thành phẩm

Hàng hóa

Cộng**31/12/2015****01/01/2015**

130.830.000

545.061.489

553.300.247

94.947.050

94.947.050

564.891.998

1.215.404.043

63.104.370.984

74.714.649.339

64.309.271.521**76.709.130.679****9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho****31/12/2015****01/01/2015**

(6.736.456.075)

(5.474.406.167)

10. Chi phí trả trước*10a. Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi phí thuê kho, nhà

Chi phí in lịch

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí bảo hành

Chi phí khác

Cộng**31/12/2015****01/01/2015**

119.229.091

-

121.040.732

-

92.388.337

332.658.160

-

-

-

189.393.939

45.010.640

234.404.579*10b. Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí thuê kho, nhà

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí quảng cáo du lịch

Chi phí khai trương, thiết kế, trang trí văn phòng du lịch

Chi phí dự án khu nghỉ dưỡng Phú Quốc

Chi phí khác

Cộng**31/12/2015****01/01/2015**

-

48.373.107

-

25.270.000

44.968.874

160.000.000

422.563.105

701.175.086

369.465.600

950.239.410

124.756.998

55.594.000

105.315.375

-

94.333.312

1.699.704.695

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
Tăng trong kỳ do phân loại từ bất động sản đầu tư	1.410.812.871	-	-	-	1.410.812.871
Giảm do thanh lý	2.316.235.725	270.070.347	415.800.000	477.880.444	3.479.986.516
Số cuối kỳ	19.113.047.939	1.823.664.311	6.415.514.587	595.578.469	27.947.805.306
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.235.495.614	278.076.819	991.924.989	185.359.485	2.690.856.907
Giá trị hao mòn	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu kỳ	7.103.184.783	742.800.514	2.802.428.636	801.485.128	11.449.899.061
Khấu hao trong kỳ	734.680.351	223.859.230	598.334.788	76.207.602	1.633.081.971
Tăng trong kỳ do phân loại từ bất động sản đầu tư	105.622.356				105.622.356
Giảm do thanh lý	2.082.175.919	228.824.243	236.850.943	477.880.444	3.025.731.549
Số cuối kỳ	5.861.311.571	737.835.501	3.163.912.481	399.812.286	10.162.871.839
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	12.915.286.010	1.350.934.144	4.028.885.951	271.973.785	18.567.079.890
Số cuối kỳ	13.251.736.368	1.085.828.810	3.251.602.106	195.766.183	17.784.933.467

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ		1.314.942.926	1.314.942.926
Tăng trong kỳ do phân loại từ bất động sản đầu tư		13.668.890.643	13.668.890.643
Giảm trong kỳ		8.172.769.297	8.172.769.297
Số cuối kỳ	858.492.840	11.333.564.272	12.192.057.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	643.500.874	-	643.500.874
Tăng trong kỳ	85.849.284	147.646.764	233.496.048
Tăng trong kỳ do phân loại từ bất động sản đầu tư	-	1.983.019.428	1.983.019.428
Giảm trong kỳ	-	1.121.284.889	1.121.284.889
Số cuối kỳ	729.350.158	1.009.381.303	1.738.731.461
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966
Số cuối kỳ	129.142.682	10.324.182.969	10.453.325.651

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2015
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	11.380.225.841	3.615.318.314	-	14.995.544.155
Showroom tại CN Hà Nội	97.016.000	-	97.016.000	-
TT điều hành du lịch và Văn phòng	5.343.454.546	2.268.833.738	7.612.288.284	-
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	16.910.718.981	5.884.152.052	7.709.304.284	15.085.566.749

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Công trình trên đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	27.200.060.959	1.410.812.871	28.610.873.830
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	13.668.890.643	1.410.812.871	15.079.703.514
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	-	1.410.812.871	1.410.812.871
<i>Chuyển sang tài sản cố định vô hình</i>	13.668.890.643	-	13.668.890.643
Số cuối kỳ	13.531.170.316	-	13.531.170.316
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	3.460.974.397	105.622.356	3.566.596.753
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.846.330.524	105.622.356	1.951.952.880
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	-	105.622.356	105.622.356
<i>Chuyển sang tài sản cố định vô hình</i>	1.846.330.524	-	1.846.330.524
Số cuối kỳ	1.614.643.873	-	1.614.643.873

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Quyền sử dụng đất	Công trình trên đất	Cộng
Số đầu kỳ	23.739.086.562	1.305.190.515	25.044.277.077
Số cuối kỳ	11.916.526.443	-	11.916.526.443
Bất động sản đầu tư gồm:			

• Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.692.680.958</i>	<i>218.322.487</i>
Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE	1.687.015.210	-
Công ty CP Vĩnh Tiến	-	212.656.739
Công ty CP Giấy Vĩnh Tiến	5.665.748	5.665.748
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>13.347.136.125</i>	<i>22.056.773.545</i>
Công ty Điện tử Samsung Vina	1.319.994.859	13.425.580.675
MMD Singapore Pte Ltd.	1.492.898.000	4.038.439.680
Công ty Cổ phần Kết nối Công nghệ Tiên Tiến	5.698.896.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.835.347.266	4.592.753.190
Cộng	15.039.817.083	22.275.096.032

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Khách hàng khác	367.661.620	311.800.247
Cộng	367.661.620	311.800.247

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2015
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.932.536	160.532.891	146.666.207	28.799.220
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.929.374	11.160.425.898	11.162.475.070	1.880.202
- Thuế xuất, nhập khẩu	626.876	1.213.325.990	1.213.952.866	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.802.497.075)	3.599.440.304	3.599.440.304	(3.802.497.075)
- Thuế thu nhập cá nhân	158.080.533	996.609.750	951.566.976	203.123.307
- Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	4.669.928.121	4.669.928.121	-
- Các loại thuế khác	-	17.968.429	17.968.429	-
Cộng	(3.624.927.756)	21.818.231.383	21.761.997.973	(3.568.694.346)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***18. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	23.197.799	28.666.436
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	52.142.892
Chi Cỗ Túc Cho Cổ Đông	692.452.857	3.900.511.857
Bảo hiểm xã hội	14.648.890	-
Các khoản phải trả khác	618.960.565	126.188.936
Cộng	1.349.260.111	4.107.510.121

19. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	77.106.097.760	42.727.685.454
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	34.303.343.716	33.484.848.909
	111.409.441.476	76.212.534.363

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014, Hợp đồng gia hạn số 15.1870003/2015-HĐTDHM/NHCT900-TIE ngày 08 tháng 07 năm 2015 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 002/2015/HĐTDHM ngày 25 tháng 08 năm 2015.

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ (01/01/2015)	95.699.000.000	147.214.109.765	20.749.406.458
Lợi nhuận tăng trong kỳ			13.977.731.560
Chia cổ tức năm 2013 (đợt 3)			13.397.860.000
Chia cổ tức năm 2014			6.698.930.000
Số dư cuối kỳ (31/12/2015)	95.699.000.000	147.214.109.765	14.630.348.018

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	70.109.441.032	81.112.815.620
- Doanh thu bán hàng hóa	60.407.319.871	72.315.476.693
- Doanh thu bán thành phẩm	60.976.848	138.672.724
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.745.120.220	3.429.638.356
- Doanh thu khác	2.536.363	-
- Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	7.370.465.154	4.312.501.091
- Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	143.751.724	626.193.020
- Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	78.045.965	50.205.677
- Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng	301.224.887	240.128.059
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	986.266.107
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	986.266.107
Doanh thu thuần	70.109.441.032	80.126.549.513

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	62.099.012	248.624.464
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	64.778.365.380	72.019.914.253
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	6.273.355.168	3.785.788.138
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	51.364.580	546.726.784
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	72.667.016	46.027.032
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	278.063.039	160.435.802
Cộng	71.515.914.195	76.807.516.473

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.016.816.668	1.249.847.223
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.570.252	9.155.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	84.217.547	3.858.900
Khác	320.000	-
Cộng	1.116.924.467	9.262.862.104

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	1.771.818.884	1.502.511.829
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	24.698.103	79.170.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá	444.577.236	39.588.795
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(94.921.930)
Chi phí khác	-	1.289.194
Cộng	2.241.094.223	1.527.638.788

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.069.794.307	2.389.535.141
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.357.664	23.433.343
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	237.078.773	243.422.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.220.565	266.738.943
Chi phí bảo hành	197.491.296	137.707.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.598.368.195	898.935.252
Chi phí bằng tiền khác	3.564.979.685	3.888.747.037
Cộng	8.939.290.485	7.848.519.986

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.493.382.304	1.822.063.148
Chi phí vật liệu quản lý	200.163.927	50.127.903
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.230.402	143.390.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.232.857	307.041.441
Thuế, phí và lệ phí	757.884.809	397.935.838
Chi phí dự phòng	(883.692.673)	(5.864.451.108)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.841.234	4.764.924.550
Chi phí bằng tiền khác	772.138.246	1.215.473.118
Cộng	4.000.181.106	2.836.705.301

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	5.569.278.874	6.200.693.506
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	-	449.790.080
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản	24.000.000.000	-
Thu nhập khác	820.443.790	72.102.081
Cộng	30.389.722.664	6.722.585.667



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	320.546.000	289.517.000
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	7.846.348.090	-
Chi phí khác	4.826.917	19.884.152
Cộng	8.171.721.007	309.401.152

9. Giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	101.616.088.163	96.111.997.284	5.504.090.879	5,73%
Tổng chi phí	94.868.201.016	89.329.781.700	5.538.419.316	6,20%
Lợi nhuận trước thuế	6.747.887.147	6.782.215.584	(34.328.437)	-0,51%
Lợi nhuận sau thuế	6.747.887.147	4.445.973.077	2.301.914.070	51,78%

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm trước là 2.301 triệu đồng (51,78%), nguyên nhân chính là do Quý 4 năm 2014 Công ty có thuế TNDN phải nộp là 2.336 triệu đồng.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tiền lương	550.740.000	410.730.000
Tiền thưởng	-	16.400.000
Tiền thù lao	96.000.000	75.000.000
Cộng	646.740.000	502.130.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EKIM	Công ty liên kết (Đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp từ ngày 30 tháng 06 năm 2015)
Công ty TNHH Giai Pháp Thông Minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Tiên - TIE	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mega -TIE	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiến Đạt -TIE	Công ty liên kết
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	713.229.093	42.554.523
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	78.811.173
Mua hàng	-	1.488.602.008
Chiết khấu mua hàng	1.500.000.000	-
Phạt chậm thanh toán	740.294.894	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.

2. Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại (chủ yếu là linh kiện điện tử và văn phòng phẩm) và trong một khu vực địa lý chủ yếu là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi.

Khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Công ty không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.196.352.576	-	-	104.196.352.576
Phải thu khách hàng	33.553.463.079	39.797.657.174	7.210.761.058	80.561.881.311
Các khoản phải thu khác	6.556.245.563	-	3.210.000.000	9.766.245.563
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.978.016.322	-	6.273.965.048	21.251.981.370
Cộng	159.284.077.540	39.797.657.174	16.694.726.106	215.776.460.820
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.070.052.815	-	-	96.070.052.815
Phải thu khách hàng	42.708.612.422	29.235.654.906	5.123.759.976	77.068.027.304
Các khoản phải thu khác	4.292.505.349	-	3.210.000.000	7.502.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	166.123.809.356	29.235.654.906	14.767.696.024	210.127.166.286

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.012,72	4.219,09
Phải trả người bán	(116.016,73)	(239.480,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	(114.004,03)	(235.260,91)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 111.409.441.476 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 76.212.534.363 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hoá thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 86,5 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng Công Thương để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này, Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.196.352.576	-	96.070.052.815	-	104.196.352.576	96.070.052.815
Phải thu khách hàng	80.561.881.311	(7.210.761.058)	77.068.027.304	(3.762.558.059)	73.351.120.253	73.305.469.245
Các khoản phải thu khác	9.766.245.563	(3.210.000.000)	7.502.505.349	(3.210.000.000)	6.556.245.563	4.292.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.251.981.370	(6.273.963.048)	29.486.574.818	(6.433.936.048)	14.978.016.322	23.052.638.770
Cộng	215.776.460.820	(16.694.726.106)	210.127.160.286	(13.406.494.107)	199.081.734.714	196.720.666.179

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	111.409.441.476	76.212.534.363	111.409.441.476
Phải trả người bán	15.039.817.083	22.275.096.032	15.039.817.083	22.275.096.032
Các khoản phải trả khác	1.107.453.530	3.050.766.741	1.107.453.530	3.050.766.741
Cộng	127.556.712.089	101.538.397.136	127.556.712.089	101.538.397.136

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thủy Oanh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIE
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Quốc Vinh